

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 02 - 2025.

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Phong;

Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; Cư trú tại: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Cao Quốc T; Cư trú tại: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Quốc T có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới thì chị H và anh T chung sống với nhau tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị H và anh T không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 (Hai) người con

chung tên Cao Thị Kim T1, sinh năm 1996 và Cao Tấn T2, sinh ngày 03/5/2001. Hiện tại các cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị H và anh T là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Cao Thị Kim T1, sinh năm 1996 và Cao Tấn T2, sinh ngày 03/5/2001. Hiện tại các cháu đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Cao Quốc T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ 02 (Hai) lần nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị H và anh T chung sống từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Về con chung tên Cao Thị Kim T1, sinh năm 1996 và Cao Tấn T2, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2001 đủ 18 (Mười tám) tuổi, có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn chị Nguyễn Thị H để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử

vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

- Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Cao Quốc T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn anh Cao Quốc Thanh vắng M không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Cao Quốc T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị H và anh Cao Quốc T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 1994, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thì anh, chị thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể hành gắn được, anh chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị Quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh, chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Cao Quốc T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh T có 02 (Hai) người con chung tên Cao Thị Kim T1, sinh năm 1996 và Cao Tấn T2, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2001 đủ 18 (Mười tám) tuổi, có khả năng lao động chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định là không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm c khoản 3 Nghị Quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Cao Quốc T là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Cao Thị Kim T1, sinh năm 1996 và Cao Tấn T2, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2001 đã trưởng thành, có khả năng lao động không yêu cầu nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H xác định là không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007539 ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh

